

V, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 90/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974**

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1965**

Đều ĐKKHKT: Đội 12, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1960**

+ **Bà Lã Thị T, sinh năm 1961**

+ **Bà Lã Thị Đ, sinh năm 1964**

Đều có địa chỉ: Khu 1, xã Hùng Lô, thành phố V, tỉnh P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D xác định về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau: Quyền sử dụng đất diện tích 78,5m², (trong đó 50m² đất ở và 28,5m² đất vườn) thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 865714 ngày 09/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Th tại địa chỉ: xóm Mộ, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp III; 2,5 tầng. (Nguồn gốc thửa đất là bố mẹ đẻ anh D cho).

Ngoài các tài sản trên vợ chồng anh D, chị Th không có tài sản chung nào khác.

Chị Th, anh D nhất trí với giá trị tài sản Hội đồng định giá như sau:

+ Về đất là: 78.757.155đ (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).

+ Về nhà là: 400.350.000đ (Bốn trăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

=> Tổng giá trị tài sản là: 479.107.155đ (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, một

trăm linh bảy nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).

*** Nay chị Th và anh D thống nhất phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau:**

- Anh Nguyễn Văn D được sở hữu, sử dụng và định đoạt toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 78,5m², (trong đó 50m² đất ở và 28,5m² đất vườn) thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 865714 ngày 09/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Th tại địa chỉ: Xóm Mỏ, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp III; 2,5 tầng với tổng giá trị tài sản là: 479.107.155đ *(Bốn trăm bảy mươi chín triệu, một trăm linh bảy nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).*

- Anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ Th toán cho chị Th giá trị tài sản với số tiền: 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).*

3. Về án phí sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn D phải chịu: 10.582.143đ *(Mười triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng)* án phí chia tài sản chung.

+ Chị Nguyễn Thị Th phải chịu: 1.250.000đ *(Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí chia tài sản chung. Xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009614 ngày 04/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P. Chị Th còn phải nộp 950.000đ *(Chín trăm năm mươi nghìn đồng).*

4. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng).* Chị Th tự nguyện xin chịu toàn bộ. Xác nhận chị Th đã nộp đủ số tiền trên theo Biên bản giao nhận chi phí tố tụng ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Anh T

